

SO SÁNH CẤU TRÚC DANH NGỮ VIỆT - KHMER

PHẠM PHÚ TỶ

Khoa Tiếng Việt - ĐH Tổng hợp HN

Nghiên cứu so sánh đối chiếu hai ngôn ngữ ở các cấp độ, các bình diện khác nhau để phục vụ cho việc dạy và học tiếng bao giờ cũng là hữu ích và cần thiết. Trong bài này, chúng tôi sẽ tiến hành so sánh cấu trúc danh ngữ tiếng Việt và tiếng Khmer.

1. Danh ngữ được hiểu là một cụm từ trong đó có danh từ làm trung tâm và những từ khác đi kèm làm vai trò của các yếu tố phụ cho nó. Cấu trúc đầy đủ điển hình của một danh ngữ Tiếng Việt có thể biểu diễn dưới dạng lược đồ như sau:

- 3. -2. -1. Thành tố chính (T.tâm) .1 .2
0

Ví dụ : Tất cả những cái con người tham lam ấy
 -3 -2 -1 0 1 2

Thành tố trung tâm có thể là một danh từ hoặc một danh từ chỉ loại cùng với danh từ. Ví dụ: người, con người...⁽¹⁾

Vị trí các thành tố phụ phía sau thành tố chính gồm: *Vị trí 1* là vị trí điển hình của những từ nếu đặc trưng thuộc tính, quan hệ... của thành tố chính o

Vị trí 2 là vị trí điển hình của các từ chỉ định: này, kia, ấy, đó... Vị trí này cũng đồng thời là ranh giới kết thúc của danh ngữ Việt.

Vị trí các thành tố phụ phía trước thành tố chính gồm:

Vị trí -1 chỉ có một từ *CÁI* xuất hiện ở vị trí này; nhưng đây là từ có tác dụng chỉ quyết sự vật nêu ở thành tố chính, để nhấn mạnh vào nó; chứ không phải là từ *CÁI* - từ chỉ loại (như *cái nhà*).

Vị trí - 2 là vị trí điển hình của các từ chỉ số lượng (chính xác hoặc không chính xác), từ hàm ý phân phối. Ví dụ: hai, dăm, vài, những, các, mỗi, từng...

Ví dụ - 3) là vị trí điển hình của những từ chỉ số lượng toàn bộ tổng thể như: cả, tất cả, toàn thể, toàn bộ...

2. Về căn bản các thành-tố phụ phía sau thành tố chính của danh ngữ Việt hoàn

toàn giống với các thành tố phụ phía sau của danh ngữ Khmer . (Sở dĩ nói về căn bản là vì trong danh ngữ Khmer có những vị trí do lớp từ đảm nhận không khớp với loại thành tố và vị trí tương ứng trong danh ngữ Việt - như sẽ trình bày ở điểm (3) và (4) dưới đây)

Có sự phù hợp và tương ứng hoàn toàn giữa các thành tố phụ ở vị trí 1 và 2 của danh ngữ Việt và danh ngữ Khmer , khi thành tố phụ ở vị trí 1 là:

- + Từ chỉ tính chất
- + Từ chỉ quan hệ sở hữu
- + Từ chỉ thứ tự
- + Từ chỉ quan hệ không gian
- + Từ chỉ quan hệ thời gian
- + Từ, cụm từ chỉ các quan hệ khác và các thành tố phụ vị trí 2 là các từ chỉ

định.

Ví dụ:

1. (Mua) cái áo mới này//(tinh) ao thmây nih
(làm) cái nhà to ấy// (thươ) phte thum nuh
2. (mượn) sách của tôi//(kchây) Siêu phẩu roobos khnhum
(mặc) áo của anh ấy// (pia) Ao rôbos ơong nuh
3. Nhà thứ ba (to hơn)//Phte ti báy (thum chiêng)
(học) năm thứ hai//(riên) chām ti pi
4. Đường trước nhà (đẹp hơn)// ph lâu nâu muk phte (S' at chiêng)
Mật ong ở Campôt (ngon hơn)// tưk Khmun nâu kampôt (chnganh chiêng)
5. Thịt bò hôm qua (ngon hơn)// Sach kô pi msâl (chngang chiêng)
Bài học hôm nay (khó hơn)// Mériên thngay nih (piba chiêng)
6. Cái áo dài bằng lụa trắng này (đắt hơn)//
ao vêng sompi sôt so nih (thiay chiêng)
Quyển sách mà tôi mới mua đó (1000 riel)// siêu phau del khnhum tốp tinh nuh
(thlay 1000riel)

Sự giống nhau của các thành tố phụ phía sau trong danh ngữ của hai ngôn ngữ này còn thể hiện ở chỗ, khi các thành tố phụ chỉ quan hệ sở thuộc xuất hiện cùng với đại từ chỉ định mà có thể gây hiểu lầm, thì vị trí của chúng nó thể tùy theo ý muốn diễn đạt mà thay đổi cho phù hợp.

Ví dụ: Con trâu ấy của hợp tác xã (bị chết rồi)

Krobây nuh rôboh Sahako (t'rau ngoap hơi)

Con trâu của hợp tác xã ấy (bị chết rồi)

Krobây rôboh sahako nuh (t'rau ngoap hơi)

3. Như vậy, danh ngữ Việt và Khmer chỉ còn khác nhau chủ yếu ở các thành tố

u phía trước thành tố chính.

3.1 Danh ngữ Khmer không có vị ngữ nào ứng với vị trí - 1 của danh ngữ Việt. Để thể hiện ý nghĩa chỉ xuất của từ CÁI (vị trí -1) của danh ngữ Việt thì danh ngữ Khmer đứng từ S'ây kê nhưng luôn luôn đặt sau danh từ - thành tố chính.

Ví dụ: - Những cái con người ấy// banda mnuh S'ây kê nuh

- Tất cả những cái con mèo đen ấy//

Chma Khmău tengch S'ây kê nuh

3.2. Vị trí - 2 trong danh ngữ Việt do các số ừ và lượng tự đảm nhận (tạm gọi là các từ chỉ lượng). Nhưng tình hình trong danh ngữ Khmer có khác, tùy theo từ loại của từ chỉ lượng và tính chất của thành tố chính.

3.2.1. Trước hết là, nói chung, số từ trong danh ngữ tiếng Khmer đứng sau thành tố chính, trước đơn vị từ (nếu bắt buộc phải có đơn vị từ xuất hiện).

Ví dụ:

- Hai thầy giáo Việt Nam// loukru Vietnam pi ner

(thầy giáo + Việt Nam + 2 + người)

- Một cái bàn// Tôók muôi

(bàn + một)

- Hai cốc nước chè// tuk te pi keo

(nước chè + 2 + cốc)

- Mười cân gạo // oong ko dop kilo

(gạo + 10 + kg)

3.2.2. Những từ chỉ lượng không chính xác (như: muôi chom nuôl, buônphrăm, đon, muôi phia thum, phiachron, khlah...) hoặc từ có hàm ý phân phối (như: nih muôi muôi...) thì trong danh ngữ Khmer cũng đứng sau thành tố chính:

Ví dụ:

- Một số ý kiến// matê muôi chomnuôl

(ý kiến + một số)

- Dăm quyển sách// Siêu phâu buônphrăm

(quyển sách + dăm)

- Đại bộ phận sinh viên// hihsât muôi phia thum.

(Sinh viên phần lớn)

- Phần nhiều chuyên gia// chumniêngka phia chon

(chuyên gia phần nhiều)

- Mỗi nhà// phte nih muôi nih muôi;

(Nhà mỗi một mỗi một)

3.2.3 Bên cạnh hai điểm khác nhau ở vị trí - 2 của danh ngữ Việt so với danh ngữ

Khmer như vừa nêu, chúng tôi thấy chúng còn có 2 điểm giống nhau:

Thứ nhất: Nếu thành tố chính là danh từ chỉ thời gian, danh từ chỉ khoảng cách không gian thì bao giờ số từ cũng đứng trước. Ví dụ:

- Ba năm// *bây chnâm*
- tám tháng// *prâm báy khe*
- Hai mươi ngày// *mphây thnggay...*

Ngoài ra, như trong 3.21 đã nói, trong danh ngữ Khmer số từ đứng sau thành chính, trước từ chỉ đơn vị; thì điều đó cũng có nghĩa rằng, không chỉ đứng trước danh từ chỉ thời gian, khoảng cách không gian, số từ chính xác của tiếng Khmer còn đứng trước danh từ làm đơn vị từ. Chính ở đây, có một điểm vừa giống nhau, vừa khác nhau giữa danh ngữ Khmer và danh ngữ Việt rất thú vị. Số từ chính xác của tiếng Việt *cũng có lúc đứng sau danh từ chỉ đơn vị* (đơn vị từ) như tiếng Khmer nhưng thể hiện ý nhấn mạnh vào khía cạnh liệt kê. Ví dụ: chuỗi *một nải*; trứng *một ổ*, quần áo mới *một bộ*, nước *một lạng*; gạo nếp mới *hai cân* v.v.. Cách nói này, xét về mặt cấu trúc, không khác với các nói khác của tiếng Khmer.

Oongko chnganh muôi ton// gạo ngon một tấn

Khoao thmây muôi prodop// quần áo mới một bộ.

Thứ hai: Những từ chỉ lượng không chính xác, mang ý nghĩa *số nhiều* như *bon* (những, các) *roal* (những, các, mọi), của tiếng Khmer cũng đứng trước danh từ - thành tố chính như những từ tương ứng, ở vị trí trong tương ứng trong danh ngữ Việt.

Ví dụ:

Bonda nisât nuh // các sinh viên đó

bonda bik khiêu nih // những cái bút bi xanh này

roal thngay // (mọi) hàng ngày

roa matê t' râm t' râu nuh // *những* ý kiến đúng đắn ấy

Cần lưu ý rằng, hai từ trên đây ít được dùng trong nói năng hàng ngày. Để bù đắp lại cách diễn đạt số nhiều đó, tiếng Khmer dùng phương thức lặp, nhưng chỉ một số những danh từ xưng gọi một âm tiết được sử dụng. Ví dụ: *nu* (chú), *nunh* (thím, cô), *ôu* (bác), *boong* (anh, chị), *p'ôn* (em), *ta* (cụ ông), *djây* (cụ bà), *louk* (ông), *khmuôi* (cháu

p'ôn *p'ôn* (các em)

boong *boong boong* (các anh các chị)

4. Vị trí -3 trong danh ngữ Việt là vị trí của các từ chỉ lượng toàn thể như: tất cả, tất thấy, toàn bộ, toàn thể ... Danh ngữ Khmer không có vị trí này. Để biểu thị nghĩa tương ứng, tiếng Khmer cũng có những từ *teng lai*, *teng mul*, *tenggoh* ... như chúng luôn đứng sau danh từ - thành tố chính và giữa các từ này có sự phân biệt nhau khá tế nhị:

+ *tenglai* biểu thị ý nghĩa tất cả, tất thấy, toàn bộ, nhưng không ước lượng đủ bao nhiêu. Ví dụ: *boong p'ôn ruôm chiết teng lai* = toàn thể đồng bào

(Đồng bào toàn thể)

Smamit nung mit tenglai = tất cả các đồng chí

(đồng chí và các bạn tất cả và các bạn

+ *Teng mul* biểu thị ý nghĩa toàn thể có thể ước lượng được, hữu hạn (những gì hứa trong cái được danh từ - thành tố chính nói tới), ví dụ:

khet tengmul (kompung khâtkhom) = cả tỉnh (đang cố gắng)

(Tỉnh cả)

= toàn thể nhân dân trong tỉnh (đang cố gắng).

+ *tenggoh* thể hiện ý nghĩa toàn thể các sự vật, người đó danh từ biểu thị, ví dụ:

- bây khet nuh tengoh = cả (toàn thể) ba tỉnh đó (ba Tỉnh đó cả)

Tenggoh và *tenglai* rất nhiều khi có thể thay thế được cho nhau. Chẳng hạn:

- siêuphầu tenglai/tenggoh nih = tất cả các quyển sách tất cả này sách này.

- sât tengoh/tenglai nih = tất cả những con vật này.

(vật tất cả này)

5. Về thành tố chính của danh ngữ Việt, như trên chúng tôi đã trình bày, có thể thêm một danh từ hoặc một danh từ cùng với từ chỉ loại. Ở đây giữa tiếng Khmer và danh từ cùng với từ chỉ loại. Ở đây giữa tiếng Khmer và tiếng Việt cũng có những điểm giống nhau, bên cạnh sự khác nhau về căn bản. Trước hết, phải thấy ngay là tiếng Khmer không có những từ chỉ loại mang phẩm chất chân chính của kiểu từ đó (ví dụ: *cái, con...*) của tiếng Việt. Ngược lại ở tiếng Việt, những từ chỉ loại và những lớp từ khác có thể dùng đúng vào vị trí của chúng lại hết sức phong phú. Thế nhưng, trong tiếng Khmer không phải là không gặp những trường hợp mà nhìn về cấu trúc rất giống tiếng Việt.

Ví dụ:

<u>đôm</u>	<u>thmo</u>	<u>Phteng</u>	<u>Kunu</u>	<u>bontek</u>	<u>khda</u>
hòn	đá	bức	tranh	tấm	ván

Các từ khác như: Sonlác (tờ), sât (con)... cũng đứng ở vị trí tương tự.

Tuy nhiên, trong tiếng Khmer, các từ đó đi vào danh ngữ không hoàn toàn như nhau; và nhiều khi, hình như cũng không phải là thành tố bắt buộc phải hiện diện trong danh ngữ.

Ví dụ:

1. Sât tia (con vịt), sât moan (con gà)

Nhưng: tia pi (hai con vịt); moan bây (3 con gà)

2. Sonlác (tờ) nhưng: Kroda muôi sonlác (một tờ giấy)

3. Đôm thmo (hòn đá) nhưng: thmo muôi đôm (một hòn đá)

4. Ner (người), nhưng: nisât pi ner (người sinh viên)

5. Thậm chí có thể nói được (tuy ít):

<u>Đôm</u>	<u>thmo</u>	<u>muôi</u>	<u>đôm</u> (1 hòn đá)
hom	đá	một	hòn

Các kết hợp khác như Phteng Kumnu, bontek khda, sonlác chhnot cũng tương tự như vậy.

Rõ ràng là những từ *dôm, phteng, sonlác, bontek, ner, sât...* rất giống với các từ chỉ loại của Tiếng Việt, nhưng khả năng, cách thức tham gia của chúng vào danh ngữ Khmer có khác nhau và khác nhiều với những từ tương ứng của tiếng Việt.

Và chính tại đây, trước sự hiện hữu của những kết hợp như *dôm thmo* (hòn đá), *phteng kum nu* (bức tranh), *bontek khda* (tấm ván), *sonlác chhnot* (tờ vé số) có thể có hai khả năng để suy nghĩ: a) Nếu coi *dôm, phteng, bontek...* là các từ chỉ loại thì phải nói rằng: không phải bao giờ từ chỉ loại cũng đứng sau danh từ trung tâm (thành tố chính) của danh ngữ Khmer.

b) Nếu chúng không phải là từ chỉ loại thì rõ ràng, chúng phải là những danh từ mà về mặt ý nghĩa trong cấu trúc danh ngữ, chúng được phụ thêm, được xác định bởi những danh từ trước nay vẫn được coi là thành tố chính (trung tâm)

Hiện tượng này của danh ngữ tiếng Khmer rất phức tạp và khó giải quyết, nhưng rất đáng quan tâm, mặc dù chúng tôi chưa có điều kiện nghiên cứu đầy đủ. Đó là, có thể liên hệ nó (một sự kiện của ngôn ngữ bên ngoài cùng loại hình, cùng nguồn gốc với tiếng Việt) với vai trò chức năng trong cấu trúc danh ngữ của các từ như: *cây con, cuc, búc...* trong tiếng Việt cùng với ý kiến về thành tố chính hai trung tâm trong danh ngữ Tiếng Việt⁽²⁾.

Những phân tích và trình bày trên đây của chúng tôi cũng như so sánh cấu trúc động ngữ, tính ngữ... (sẽ trình bày trong một dịp khác) mới chỉ xuất phát từ góc độ dạy và học thực hành tiếng, để giúp người học tránh các chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ vào ngoại ngữ đang học mà thôi.

CHÚ THÍCH

- (1) Có những tác giả coi thành tố chính gồm một danh từ, còn yếu tố chỉ loại thì đưa ra ngoài vị trí này. Ngược lại, có quan niệm như chúng tôi thì gọi thành tố chính gồm danh từ chỉ loại + danh từ là thành tố chính hai trung tâm [[1]]. Điều dễ dàng cho người nước ngoài trong khi nhận diện cấu trúc danh ngữ Việt chúng tôi đưa cả vào vị trí này.
- (2) Xin xem thêm: Nguyễn Tài Cẩn - Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại (Phụ lục II - trang 284).

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn - Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại, KHXH Hà Nội 1975.

Mai Ngọc Chử, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến - cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt
ĐH Hà Nội 1992.

Đinh Văn Đức - Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại) KHXH Hà Nội 1986.

Nguyễn Tài Cẩn, Ngữ pháp Tiếng Việt (tiếng, từ ghép - đoản ngữ) KHXH Hà Nội 1979.

**COMPARE THE STRUCTURE OF THE NOUNPHRASE
IN VIETNAMESE AND KHMER LANGUAGE**

Pham Phu Ty

Faculty of Vietnamese language-Hanoi University

Structurally, nounphrase is a group of words in which the head is a noun and the
members are followed as the subsidiary elements. In this Writing, the author wants to
compare the structure of the nounphrase in Vietnamese and Khmer language to show
their general and specific characteristics in a comparative study.